TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33** /2024/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2023/TLST-DS ngày 28/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 27/5/2024 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trương Văn P**, sinh năm 1972 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997 và bà Thi Thị Thanh N, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: Số D đường T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. *Bà D có mặt, bà N vắng mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P và bà H: ông Lê Thanh L, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: Số D đường T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. *Ông L có mặt*

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị C**, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ I, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Bà C có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trương Văn P, bà Nguyễn Thị H và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:***

Do mối quan hệ quen biết nên vào tháng 4 năm 2023 ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H cho bà Phan Thị C mượn số tiền 100.000.000đồng. Khi mượn tiền, bà C viết giấy mượn tiền và hẹn sẽ hoàn trả đầy đủ tiền nợ cho ông P và bà H trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2023 đến ngày 22/6/2023, hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Nay nhận thấy bà Phan Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông P, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị C trả cho ông bà tổng số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 27/6/2024) là 110.136.986đồng; trong đó nợ gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi là 10.136.986đồng (lãi tính từ ngày 23/6/2024 với mức lãi suất 10%/năm).

**** Bị đơn – bà Phan Thị C trình bày:***

Do có nhu cầu xin bố trí tái định cư và hỗ trợ khi giải tỏa nhà đất, ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H có đặt vấn đề với bà C hỗ trợ làm đơn để gửi cho các cơ quan liên quan nên giữa hai bên có quan hệ quen biết.

Đến tháng 4 năm 2023, do cần tiền giải quyết việc cá nhân nên bà C có mượn của vợ chồng ông P và bà H số tiền 100.000.000 đồng, khi nhận tiền bà C đã viết giấy mượn tiền. Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 thì bà C đã nhiều lần trả tiền cho ông P và bà H, bà C trực tiếp đưa tiền mặt cho bà H và ông P là người chứng kiến. Tổng số tiền bà C đã đưa là 175.000.000 đồng bao gồm 100.000.000đồng tiền trả nợ và 75.000.000đồng tiền ông P và bà H vay thêm của bà C để thanh toán tiền biêu cho người khác. Sau khi trả xong nợ, bà C đã yêu cầu vợ chồng ông P đưa lại giấy mượn tiền thì ông P, bà H nói để lạc ở đâu không biết; bà C đề nghị ông P, bà H ghi giấy xác nhận nội dung bà đã trả tiền xong nhưng cả hai không chịu. Vì vậy, nay ông P và bà H yêu cầu bà C phải trả số tiền gốc 100.000.000đồng và lãi thì bà không đồng ý vì đã trả xong. Đồng thời, bà C phản tố yêu cầu ông P, bà H phải trả cho bà C số tiền nợ là 75.000.000đồng.

**** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:***

Bản thân bà Phan Thị C là người đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mặt khác bà C cho rằng bản thân đã giúp cho vợ chồng ông Trương Văn P làm đơn từ xin giải quyết, hỗ trợ về đền bù giải tỏa nên bà C là người am hiểu pháp luật, do vậy bà C phải biết rõ khi các bên giao tiền cho nhau như là vợ chồng ông P giao tiền cho vay thì bà C viết giấy vay nợ, ngược lại khi bà C trả tiền nợ thì vợ chồng ông P cũng phải giao lại cho bà C bản gốc giấy mượn tiền đã ghi trước đó hoặc vợ chồng ông P phải viết giấy xác nhận về việc đã nhận tiền. Tuy nhiên, bà C không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho việc bà đã giao cho ông P và bà H số tiền 175.000.000đồng như đã khai nên lời khai này hoàn toàn không có cơ sở. Do vậy đề

nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 và Điều 468 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là bà Phan Thị C có địa chỉ cư trú tại quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu cầu của ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H về việc buộc bà Phan Thị C trả số tiền nợ 100.000.000đồng thì thấy:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H có cho bà Phan Thị C mượn số tiền 100.000.000đồng và bà C đã viết Giấy mượn tiền, hẹn từ ngày 19/4/2023 đến 22/6/2023 sẽ trả số tiền này. Theo nguyên đơn trình bày, sau khi mượn tiền đến hạn trả nợ thì bà C không chịu trả như đã thỏa thuận. Còn bị đơn có ý kiến đã thanh toán toàn bộ số tiền mượn cho nguyên đơn trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2023.

Xét ý kiến của các bên thấy rằng: Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của các đương sự như sau: *"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ... 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án"*.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ: Bản chính Giấy mượn tiền do chính bị đơn viết. Bị đơn - bà Phan Thị C cung cấp bản photo các giấy tờ đứng tên ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H liên quan đến xin bố trí đất tái định cư và hỗ trợ do giải tỏa di dời, tin nhắn zalo; tuy nhiên tại các văn bản này không có nội dung đề cập đến số tiền nợ 100.000.000đồng và việc trả nợ. Tòa án cũng đã tiến hành việc đối chất nhưng không làm rõ được nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là phù

hợp, có căn cứ, theo đó đủ cơ sở xác định bị đơn đã mượn của nguyên đơn số tiền 100.000.000đồng và chưa thanh toán như cam kết mà không có cơ sở để chấp nhận lời khai nại của bị đơn.

Xét thấy việc không thanh toán nợ mà không có lý do của bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là bên có lỗi nên yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ của nguyên đơn hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự cần được chấp nhận.

[2] Về yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền lãi 10.136.986đồng của nguyên đơn, thấy rằng:

Tại Giấy mượn tiền, và quá trình giải quyết vụ án các bên cũng thừa nhận khi mượn tiền, bị đơn hẹn sẽ trả tiền cho nguyên đơn trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2023 đến ngày 22/6/2023. Do bị đơn không trả nợ, nên yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi từ ngày 23/6/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự cần chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu phản tố về việc buộc ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H thanh toán cho bị đơn số tiền nợ 75.000.000đồng, thấy rằng:

Theo bị đơn, trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2023, ngoài trả cho nguyên đơn số tiền nợ 100.000.000đồng thì bị đơn còn cho nguyên đơn mượn thêm số tiền 75.000.000đồng và đến nay nguyên đơn chưa thanh toán. Còn nguyên đơn phủ nhận việc vay mượn này.

Xét bà Phan Thị C là người có yêu cầu nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về bà C, tuy nhiên bà C không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào về việc cho nguyên đơn vay tiền, do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận phản tố của bà C đối với ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bà Phan Thị C phải trả cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H số tiền 110.136.986 đồng, trong đó: tiền nợ là 100.000.000đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 23/6/2023 đến ngày xét xử (ngày 27/6/2024) là 10.136.986 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[5] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn, khoản tiền phản tố không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Mức án phí cụ thể mà bà Phan Thị C phải chịu là 9.256.849đồng, trong đó:

- Án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: 110.136.986đ x 5% = 5.506.849đồng

- Án phí đối với yêu cầu phản tố: 75.000.000đ x 5% = 3.750.000đồng

Hoàn trả cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 200, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phan Thị C trả cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H số tiền 110.136.986đ (Một trăm mười triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm tám mươi sáu đồng) trong đó: tiền nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); tiền lãi chậm trả tính từ ngày 23/6/2023 đến ngày xét xử (ngày 27/6/2024) là 10.136.986đ (Mười triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, bà Phan Thị C còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị C về việc buộc ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị H trả cho bà C số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí: bà Phan Thị C phải chịu 9.256.849đ (Chín triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng) án phí sơ thẩm, trong đó: án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 5.506.849đ (Năm triệu, năm trăm lẻ sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng), án phí đối với yêu cầu phản tố là 3.750.000đ (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Khấu trừ số tiền bà C đã nộp tạm ứng án phí 1.875.000đ theo biên lai thu số 0000497 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Buộc bà Phan Thị C nộp tiếp số tiền: 7.381.849đ (Bảy triệu, ba trăm tám mươi mốt ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả cho ông Trương Văn P số tiền tạm ứng án phí 2.617.808đ (Hai triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, tám trăm lẻ tám đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000336

ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

DƯƠNG THỊ THÁI